

ĐA DẠNG THỰC VẬT HẠT KÍN CÓ ÍCH TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÂN LONG, TỈNH NINH BÌNH

BÙI THU HÀ

Đại học Sư phạm Hà Nội

TRẦN THỂ BÁCH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Vân Long là Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) đất ngập nước lớn nhất vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ. Khu Bảo tồn này nằm ở phía Đông Bắc huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình với diện tích khoảng 3500 ha. Vùng nghiên cứu có địa hình bằng phẳng được bao bọc bởi các dãy núi đá vôi và đồi thấp, gồm các kiểu thảm thực vật chính như rừng thứ sinh trên núi đá vôi; rừng cỏ và cây bụi trên các thung núi khô hạn và nhóm thực vật thường gặp trong những vùng đất ngập nước. Trước đây, do việc khai thác quá mức các sản phẩm của rừng nên hệ thực vật của Khu BTTNVân Long đã bị suy thoái nghiêm trọng. Tuy nhiên, việc bảo tồn và bảo vệ rừng trong những năm gần đây đạt hiệu quả cao, đặc biệt có một số khu vực đang được phục hồi tốt. Những nghiên cứu về hệ thực vật ở đây còn sơ lược, hầu như chưa được đề cập đến. Do vậy, điều tra đánh giá hiện trạng hệ thực vật ở đây, xác định các loài thực vật có ích nhằm đề xuất việc bảo tồn và sử dụng bền vững chúng là vấn đề rất cần thiết được đặt ra.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng

Các loài thực vật hạt kín có ích tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Vân Long, tỉnh Ninh Bình.

2. Địa điểm

- Tiến hành điều tra tại một số hệ sinh thái trên cạn như rừng thứ sinh trên núi đá vôi; rừng cỏ và cây bụi trên các thung núi khô hạn; thực vật trên đất canh tác tại khu vực nghiên cứu.

- Vùng đất ngập nước: khu vực ngập nước sâu là nơi tích tụ mùn bã hữu cơ và muối khoáng từ các núi Đòng Quyên, Mèo Cào với nền đáy mềm xốp; khu vực nước nông là những vùng gần chân núi, ven đê, ruộng hoang hóa...

3. Thời gian

Đợt 1: 24/5/2010 - 30/5/2010; Đợt 2: 24/11 - 30/11/2010.

4. Phương pháp

Điều tra thực địa theo tuyến nghiên cứu tại sườn phía Đông Bắc và các thung trong khối núi Đòng Quyên; sườn phía Tây Nam (hướng về phía đầm) núi Đòng Quyên; vùng giáp ranh Hòa Bình và Ninh Bình; vùng giáp ranh Hà Nam và Ninh Bình; vùng đất ngập nước: khu vực ngập nước nông: chân núi đá, ven đê và một số bãi hoang và ruộng là đất nông nghiệp; khu vực ngập nước sâu: lòng đầm Vân Long nhằm thu mẫu cho việc giám định tên khoa học bằng phương pháp hình thái so sánh theo các sách chuyên ngành về thực vật [3, 4] và tra cứu về công dụng của cây [5, 6, 7].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng taxon

1.1. Đa dạng lớp

Lớp thực vật có ích 2 lá mầm có tỷ lệ lớn nhất với 266 loài (chiếm 85,2% tổng số loài), 211 chi (chiếm 85,7% tổng số chi) và 85 họ (82,5% tổng số họ thực vật). Lớp một lá mầm có 46 loài (14,9%), 35 chi (14,3%) và 18 họ (17,6%) trong tổng số loài, chi và họ thực vật có ích ở đây.

Bảng 1

Phân bố các taxon trong lớp

Lớp	Số họ	%	Số chi	%	Số loài	%
Magnoliopsida (Dicotyledones)	85	82,5	211	85,7	266	85,2
Liliopsida (Monocotyledones)	18	17,5	35	14,3	46	14,8
Tổng	103	100	246	100	302	100

1.2. Đa dạng các họ thực vật (103 họ)

Bảng 2

Thống kê các họ thực vật nhiều loài nhất

TT	Họ thực vật	Số lượng	Tỷ lệ %	TT	Họ thực vật	Số lượng	Tỷ lệ %
1.	Asteraceae (Cúc)	25	8,01	6.	Acanthaceae (Ô rô)	7	2,24
2.	Euphorbiaceae (Thầu dầu)	16	5,13	7.	Araliaceae (Đinh lăng)	7	2,24
3.	Sterculiaceae (Trôm)	9	2,88	8.	Cyperaceae (Cói)	7	2,24
4.	Poaceae (Cỏ)	8	2,56	9.	Rubiaceae (Cà phê)	7	2,24
5.	Moraceae (Dâu tằm)	8	2,56	10.	Anacardiaceae (Đào lộn hột)	6	1,95

Trong tổng số 103 họ thực vật, thì 10 họ có số loài lớn nhất là theo thứ tự từ cao tới thấp là họ Asteraceae (Cúc) có số lượng loài lớn nhất với 25 loài (chiếm tỷ lệ 8,01% số loài thực vật có ích ở đây), tiếp đến là các họ Euphorbiaceae (Thầu dầu) với 16 loài (5,13%), họ Sterculiaceae (Trôm) với 9 loài (2,88%), họ Poaceae (Cỏ) với 8 loài (2,56%), họ Moraceae (Dâu tằm) với 8 loài (2,56%), họ Acanthaceae (Ô rô) với 7 loài (2,44%), họ Araliaceae (Đinh lăng) với 7 loài (2,24%), họ Cyperaceae (Cói) với 7 loài (2,24%), họ Rubiaceae (Cà phê) 7 loài (2,24%), họ Anacardiaceae (Đào lộn hột) với 6 loài (1,95%).

1.3. Đa dạng chi (246 chi)

Bảng 3

Thống kê các chi thực vật nhiều loài nhất

TT	Chi thực vật	Số lượng	Tỷ lệ %	TT	Chi thực vật	Số lượng	Tỷ lệ %
1.	<i>Commelina</i> (Thài lài)	4	1,28	7.	<i>Ludwigia</i> (Rau dứa nước)	3	0,96
2.	<i>Cyperus</i> (Cói)	4	1,28	8.	<i>Rubus</i> (Ngây)	3	0,96
3.	<i>Ficus</i> (Sung)	4	1,28	9.	<i>Solanum</i> (Cà)	3	0,96
4.	<i>Mallotus</i> (Bùm bụp)	4	1,28	10.	<i>Streblus</i> (Ruổi)	3	0,96
5.	<i>Schefflera</i> (Ngũ gia bì)	4	1,28	11.	<i>Thunbergia</i> (Bông xanh)	3	0,96
6.	<i>Dioscorea</i> (Củ nâu)	3	0,96	12.	<i>Vernonia</i> (Bạc đầu)	3	0,96

12 chi có từ 3 loài trở lên: Các chi có 4 loài (*Schefflera*, *Commelina*, *Cyperus*, *Mallotus*, *Ficus*) chiếm tỷ lệ 1,28%, các chi có 3 loài (*Solanum*, *Rubus*, *Thunbergia*, *Dioscorea*, *Ludwigia*, *Vernonia*, *Streblus*) chiếm tỷ lệ 0,96%. Các chi còn lại có ít hơn 3 loài chiếm tỷ lệ thấp hơn 0,96%.

2. Phân chia các nhóm cây có ích

Kết quả từ Bảng 4 cho thấy trong 9 nhóm cây có ích thì nhóm cây thuốc có 258 loài chiếm tới 82,7% tổng số loài cây có ích, tiếp đến là nhóm cây làm rau ăn gồm 60 loài chiếm 19,1%. Một số loài có thể có những giá trị sử dụng trong các nhóm khác nhau.

Bảng 4

Thống kê các nhóm cây có ích

Nhóm cây có ích	Số loài	Lớp	Họ	Chi
Cây gỗ	13	1	9	13
Cây thuốc	258	2	96	211
Cây cảnh	21	2	15	19
Cây ăn được	26	2	18	22
Cây làm rau	60	2	37	54
Cây để nhuộm	10	2	9	10
Cây làm sợi	8	2	5	7
Cây cho tinh dầu	6	1	4	5
Cây làm thức ăn cho động vật	15	2	10	15

3. Các loài thực vật có giá trị bảo tồn

Bảng 5

Loài có giá trị bảo tồn

Họ	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân hạng
Aristolochiaceae	<i>Aristolochia indica</i> L.	Sơn địch	VU A1c
Fagaceae	<i>Castanopsis ferox</i> (Roxb.) Spach	Cà ổi vọng phu	VU A1cd
Illiciaceae	<i>Illicium difengpii</i> B. N. Chang	Hồi đa vôi	VU B1+2bce
Loganiaceae	<i>Strychnos umbellata</i> (Lour.) Merr.	Mã tiền hoa tán	VU A1ac
Meliaceae	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.	Gội tía	VU A1acd+2d
Meliaceae	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	Lát hoa	VU A1acd+2d
Opiliaceae	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng	VU B1+2e
Rubiaceae	<i>Canthium dicoccum</i> (Gaertn.) Teysm. & Binn.	Găng vàng hai hạt	VU A1c, B1+2c
Tiliaceae	<i>Excentrodendron tonkinense</i> (Gagnep.) Chang & Miao	Nghiến	EN A1a-d+2cd

Trong tổng số 312 loài thực vật có ích ở đây thì có 9 loài là nguồn gen quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó 8 loài ở mức phân hạng sẽ nguy cấp (VU) và 01 loài ở mức phân hạng nguy cấp (EN).

III. KẾT LUẬN

Qua điều tra ban đầu chúng tôi đã xác định được 312 loài thực vật hạt kín có ích thuộc 2 lớp, 103 họ, 246 chi tại Khu BTTN Vân Long, tỉnh Ninh Bình. Trong 9 nhóm cây có ích thì nhóm cây thuốc có 258 loài (chiếm tới 82,7% tổng số các loài cây có ích), tiếp đến là nhóm cây làm rau ăn gồm 60 loài (chiếm 19,1%). Có 9 loài thực vật là nguồn gen quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó 8 loài ở mức phân hạng sẽ nguy cấp (VU) và 01 loài ở mức phân hạng nguy cấp (EN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KH&CN, Viện KHCNVN**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, phần Thực vật. NXB. KHTN&CN, Hà Nội.
2. **Bộ NN&PTNT**, 2000: Tên cây rừng Việt Nam NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007: Các phương pháp nghiên cứu Thực vật. NXB. ĐHQGHN, Hà Nội.
4. **Nguyễn Tiến Bản**, 2003, 2005: Danh lục các loài Thực vật Việt Nam, tập 2, 3. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Trần Đình Lý**, 1993: 1900 loài cây có ích ở Việt Nam. NXB. Thế giới.
6. **Trần Hợp**, 2002: Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. NXB. Nông nghiệp.
7. **Võ Văn Chi, Trần Hợp**, 2000: Cây cỏ có ích. NXB. Giáo dục.

DIVERSITY OF USEFUL FLOWERING PLANTS IN VAN LONG NATURE RESERVE, NINH BINH PROVINCE

BUI THU HA, TRAN THE BACH

SUMMARY

Van Long marsh is a big fresh-water wetland of the Red River delta. Based on the study in 2010, the biodiversity value has been increased which is represented by the result of the investigation on vegetation and flora of this area.

There are 312 species of useful flowering plants belonging to 246 genera and 103 families in Van Long Reserve.. Among them, there are 13 timber species, 258 medicinal species, 21 ornamental species, 26 edible species, 60 vegetable species, 10 dye species, 8 fibre species, 6 essential oil species, 15 species provide food for animals. According to the Vietnam Red Data Book (Part 2. Plants, 2007), there are 1 species in endangered situation (EN), 8 species in vulnerable situation (VU); the plant resources must be protected and sustainably developed.